Ngày dạy:25,,26,27/1/2021

|  |  |
| --- | --- |
| **BÀI 8:** | **VĂN BẢN NGHỊ LUẬN**  **(NGHỊ LUẬN XÃ HỘI)** |

**A. PHẠM VI NGHIÊN CỨU CỦA BÀI HỌC VÀ THỜI LƯỢNG THỰC HIỆN.**

**I. CÁC NỘI DUNG CẦN THỰC HIỆN:**

**1. Đọc:**

- Đọc – hiểu các văn bản*:*

*+* Văn bản 1*: Vì sao chúng ta phải đối xử thân thiện với động vật?*

*+* Văn bản 2*: Khan hiếm nước ngọt.*

*-* Thực hành Tiếng Việt **:***Từ Hán Việt, văn bản và đoạn văn*

- Thực hành đọc – hiểu văn bản:  *Tại sao nên có vật nuôi trong nhà?*

**2. Viết:**

Viết bài văn trình bày ý kiến về một hiện tượng đời sống.

**3. Nói và nghe.**

Trình bày ý kiến về một hiện tượng đời sống.

**4. Tự đánh giá.**

**II. THỜI LƯỢNG THỰC HIỆN: 12 tiết – KHGD**

**B. MỤC TIÊU KHI XÂY DỰNG BÀI HỌC**

**I. Năng lực**

- Nhận biết được một số yếu tố hình thức (ý kiến, kí lẽ, bằng chứng,...),... nội dung (đề tài, vấn đề, tư tưởng, ý nghĩa,...) của các văn bản nghị luận xã hội.

- Vận dụng được những hiểu biết về văn bản, đoạn văn và một số từ Hán Việt thông dụng vào đọc, viết, nói và nghe.

- Bước đầu biết trình bày ý kiến về một hiện tượng trong đời sống.

**II. Phẩm chất**

Biết tiết kiệm nước; chăm sóc và bảo vệ động vật, cây xanh.

**Bảng mô tả cụ thể các năng lực và phẩm chất cần hình thành cho HS:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **STT** | **MỤC TIÊU** | **MÃ HÓA** |
| **NĂNG LỰC ĐẶC THÙ : ĐỌC - VIẾT - NÓI VÀ NGHE** | | |
| **1** | Nhận biết được vấn đề mà tác giả nêu lên trong văn bản nghị luận xã hội. | **Đ1** |
| **2** | Chỉ ra được các lí lẽ và bằng chứng cụ thể mà người viết đã sử dụng để làm sáng tỏ vấn đề. | **Đ2** |
| **3** | Nhận xét được các lí lẽ, bằng chứng (rõ ràng, chặt chẽ, tiêu biểu, phong phú, có sức thuyết phục,..) trong văn bản nghị luận. | **Đ3** |
| **4** | Nêu được ý nghĩa của vấn đề mà văn bản đã đặt ra đối với mọi người; nhận biết được tình cảm và thái độ của người viết được thể hiện trong văn bản. | **Đ4** |
| **5** | Vận dụng được những hiểu biết về văn bản, đoạn văn và một số từ Hán Việt thông dụng vào đọc, viết, nói và nghe. | **Đ5** |
| **6** | Viết được bài văn trình bày ý kiến về một hiện tượng trong đời sống. | **V1** |
| **7** | Biết trình bày cảm nhận, trình bày ý kiến của mình về đặc sắc nội dung và các hình thức nghệ thuật của các văn bản nghị luận xã hội. | **N1** |
| **8** | Nghe bạn trình bày và tóm tắt được nội dung trình bày của bạn. | **N2** |
| **9** | Nói nghe tương tác: Biết tham gia thảo luận trong nhóm nhỏ về một vấn đề cần có giải pháp thống nhất. | **N3** |
| **10** | Bước đầu biết trình bày ý kiến về một hiện tượng đời sống bằng lời nói. | **N4** |
| **NĂNG LỰC CHUNG:** **GIAO TIẾP VÀ HỢP TÁC, GIẢI QUYẾT VẤN ĐỀ** | | |
| **11** | - Biết được các công việc cần thực hiện để hoàn thành nhiệm vụ nhóm được GV phân công.  - Hợp tác khi trao đổi, thảo luận về vấn đề giáo viên đưa ra. | **GT-HT** |
| **12** | Biết thu thập và làm rõ các thông tin có liên quan đến vấn đề; biết đề xuất và chỉ ra được một số giải pháp giải quyết vấn đề (ở cấp độ phù hợp với nhận thức và năng lực HS cấp THCS). | **GQVĐ** |
| **PHẨM CHẤT CHỦ YẾU: NHÂN ÁI , TRÁCH NHIỆM** | | |
| **13** | * Biết tiết kiệm nước; chăm sóc và bảo vệ động vật, cây xanh. * Sống có trách nhiệm với môi trường sống. | **TN** |

**Giải thích các kí tự viết tắt cột MÃ HÓA:**

**- Đ:** Đọc (1,2,3,4,5: Mức độ).

**- V:** Viết (1: mức độ)

**- N:** Nghe – nói (1,2,3,4: mức độ)

**- GT-HT:** Giao tiếp – hợp tác.

**- GQVĐ:** Giải quyết vấn đề.

**- TN:** Trách nhiệm.

**C. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Giáo viên**

- Sưu tầm tài liệu, lập kế hoạch dạy học .

- Thiết kể bài giảng điện tử.

- Phương tiện và học liệu:

+ Các phương tiện : Máy vi tính, máy chiếu đa năng...

+Học liệu: Tranh ảnh, video,...

+ Phiếu học tập: sử dụng phiếu học tập trong dạy học đọc, viết, nói và nghe.

**2. Học sinh.**

- Đọc phần Kiến thức ngữ văn và hướng dẫn **Chuẩn bị** phần Đọc – hiểu văn bản trong sách giáo khoa; chuẩn bị bài theo các câu hỏi trong SGK.

- Đọc kĩ phần **Định hướng** trong nội dung Viết, Nói và nghe và thực hành bài tập SGK.

**C. CÁC CÔNG CỤ ĐÁNH GIÁ TRONG BÀI HỌC.**

**1. Câu hỏi: Theo Phiếu học tập**

**2. Bài tập :**

**-**  Viết bài văn trình bày ý kiến về một hiện tượng đời sống.

- Trình bày ý kiến về một hiện tượng đời sống bằng lời nói.

**3. Rubric**

**Rubric 1: Đánh giá trả lời câu hỏi**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Phiếu học tập (PHT)** | **Mức đánh giá** | | |
| Phiếu học tập 01 | HS trả lời được 1/3 số câu hỏi của PHT | HS trả lời được 2/3 số câu hỏi của PHT hoặc trả lời được tất cả các câu hỏi nhưng nội dung trả lời sơ lược. | HS trả lời đúng và đầy đủ tất cả các câu hỏi của PHT  (khuyến khích các cách trả lời sáng tạo) |
| Phiếu học tập 02…. | Nt | Nt | Nt |

**Rubric 2: Đánh giá thực hiện bài tập**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Mức độ**  **Tiêu chí** | **Mức 1** | **Mức 2** | **Mức 3** |
| Bài văn trình bày ý kiến về một hiện tượng đời sống  **(10 điểm)** | Nội dung bài văn còn sơ sài; mắc một số lỗi chính tả  ( 5 – 6 điểm) | Nội dung bài văn tương đối đầy đủ các lí lẽ, dẫn chứng chưa đa dạng; không mắc lỗi chính tả  (7- 8 điểm) | Nội dung bài văn đầy đủ, lí lẽ sắc sảo, dẫn chứng thuyết phục; diễn đạt sáng tạo, có cảm xúc, không mắc lỗi chính tả.  (9- 10 điểm) |
| Bài nói trình bày ý kiến về một hiện tượng đời sống  **(10 điểm)** | Nội dung bài nói còn sơ sài; người nói chưa tự tin trong trình bày  ( 5 – 6 điểm) | Nội dung trình bày chi tiết; người nói trình bày tương đối tốt.  (7- 8 điểm | Nội dung trình bày sâu sắc; người nói trình bày tự tin, có kết hợp ngôn ngữ cơ thể  (9- 10 điểm) |
| Vẽ tranh minh hoạ các thông điệp rút ra trong bài học  **(10 điểm)** | Các nét vẽ không đẹp và bức tranh còn đơn điệu về hình ảnh, màu sắc.  ( 5 – 6 điểm) | Các nét vẽ đẹp nhưng bức tranh chưa thật phong phú.  (7 – 8 điểm) | Bức tranh với nhiều đường nét đẹp, phong phú, hấp dẫn.  (9 - 10 điểm) |

**D. TIẾN TRÌNH DẠY - HỌC**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Hoạt động học**  **(Thời gian)** | **Mục tiêu** | **Nội dung dạy học trọng tâm** | **PP/KTDH chủ đạo** | **Phương án đánh giá** |
| **HĐ 1: Khởi động** | **Kết nối – tạo tâm thế tích cực.** | Huy động, kích hoạt kiến thức trải nghiệm nền của HS có liên quan đến bài học. | - Nêu và giải quyết vấn đề  - Đàm thoại, gợi mở | -Đánh giá qua câu trả lời của cá nhân cảm nhận chung của bản thân;  - Do GV đánh giá. |
| **HĐ 2: Khám phá kiến thức** | **Đ1,Đ2,Đ3,Đ,N1,N2,N3,N4,N5**  **GT-HT,GQVĐ** | **ĐỌC HIỂU VĂN BẢN**  - Tìm hiểu kiến thức ngữ văn về nghị luận xã hội.  - Đọc hiểu văn bản *Vì sao chúng ta phải đối xử thân thiện với động vật?*  - Đọc hiểu văn bản *Khan hiếm nước ngọt*  **-** Thực hành Tiếng Việt về *Từ Hán Việt, văn bản và đoạn văn*.  - Thực hành đọc hiểu: văn bản *Tại sao nên có vật nuôi trong nhà?*  **VIẾT**  Viết bài văn trình bày ý kiến về một hiện tượng đời sống.  **NÓI VÀ NGHE**  Trình bày ý kiến về một hiện tượng đời sống. | Đàm thoại gợi mở; Dạy học hợp tác (Thảo luận nhóm, thảo luận cặp đôi); Thuyết trình; Trực quan; | -Đánh giá qua sản phẩm qua hỏi đáp; qua phiếu học tập, qua trình bày do GV và HS đánh giá.  - Đánh giá qua quan sát thái độ của HS khi thảo luận do GV đánh giá.  - Đánh giá qua rubic. |
| **HĐ 3: Luyện tập** | **Đ3,Đ4,GQVĐ** | Thực hành bài tập luyện kiến thức, kĩ năng | Vấn đáp, dạy học  nêu vấn đề, thực hành.  Kỹ thuật: động não | - Đánh giá qua hỏi đáp; qua trình bày do GV và HS đánh giá.  - Đánh giá qua quan sát thái độ của HS khi thảo luận do GV đánh giá. |
| **HĐ 4: Vận dụng** | **N2, V1,GQVĐ** | Liên hệ thực tế đời sống để hiểu, làm rõ thêm thông điệp của văn bản. | Đàm thoại gợi mở; Thuyết trình; Trực quan. | Đánh giá qua sản phẩm của HS, qua trình bày do GV và HS đánh giá.  - Đánh giá qua quan sát thái độ của HS khi thảo luận do GV đánh giá. |
| **Hướng dẫn tự học** | **Tự học** | Giao nhiệm vụ, hướng dẫn để học sinh tự tìm tòi, mở rộng để có vốn hiểu biết sâu hơn. | Tự học | - Đánh giá qua sản phẩm theo yêu cầu đã giao.  - GV và HS đánh giá. |

**E. TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC**

**HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG BÀI HỌC 8**

**1. Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút sự chú ý của HS vào việc thực hiện nhiệm việc học tập. Khắc sâu tri thức chung cho bài học nhằm giới thiệu thể loại chính của bài học 8 là Văn nghị luận (Nghị luận xã hội)

**2. Nội dung hoạt động:** HS chia sẻ suy nghĩ

**3. Sản phẩm**: Những suy nghĩ, chia sẻ của HS.

**4. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**

* GV trình chiếu video “Con người và thiên nhiên”

Link video: <https://www.youtube.com/watch?v=uw1iRR_K-jM>

* GV yêu cầu HS quan sát và trả lời câu hỏi:

? Con người đã có những hành động tàn ác nào đối với thiên nhiên?

Em có suy nghĩ gì về cách kết thúc?

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**

* HS xem video.
* Suy nghĩ, thảo luận theo cặp trong bàn để trả lời câu hỏi.

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận:** HS trả lời câu hỏi của GV

Gợi ý: Video là câu chuyện kể về mối quan hệ giữa con người và thiên nhiên. Con người dưới bộ mặt giả dối đã chà đạp, tàn phá thiên nhiên để đạt được những ham muốn cá nhân của mình. Kết thúc video cho thấy sự trả giá của con người.

**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**

Nhận xét câu trả lời của HS và kết nối vào hoạt động hình thành kiến thức mới.

**Giới thiệu bài học 8:**

Thế giới tự nhiên xung quanh chúng ta bao gồm cây cối, các loài động vật hoang dã, đất, nước , không khí,… có mối quan hệ mật thiết, hữu cơ với cuộc sống con người. Con người ngày càng có nhiều việc làm, hành động xấu tác động, huỷ hoại thế giới tự nhiên. Trong bài học 8, cô sẽ hướng dẫn các em đi tìm hiểu rõ hơn về mối quan hệ giữa con người với thế giới tự nhiên, để từ đó bản thân mỗi người sẽ tự rút ra cho mình cách ứng xử phf hợp.

**HOẠT ĐỘNG 2: KHÁM PHÁ KIẾN THỨC BÀI HỌC 8**

**Tiết : 82,83,84 Văn bản 1:**

**VÌ SAO CHÚNG TA PHẢI ĐỐI XỬ THÂN THIỆN VỚI ĐỘNG VẬT?**

**(Kim Hạnh Bảo – Trần Nghị Du)**

**I. Mục tiêu**

**1. Năng lực**

- Nhận biết được nhan đề đề cập đến nội dung, đề tài.

- Nhận biết được vấn đề mà người viết bàn luận; nắm được hệ thống các lí lẽ, bằng chứng trong văn bản.

- Trình bày được mối quan hệ giữa ý kiến, lí lẽ, bằng chứng dưới dạng sơ đồ.

- Nhận ra được ý nghĩa vấn đề đặt ra trong văn bản đối đời xống xã hội và đối với bản thân.

**2*.* Về phẩm chất*:***

Biết yêu quý động vật, sống hòa hợp với thiên nhiên.

**II. Thiết bị dạy học và học liệu**

- Máy chiếu, máy tính, bảng phụ và phiếu học tập, Rubric.

- Các video, hình ảnh minh hoạ (nếu có).

**III.Tiến trình dạy học**

**Hoạt động 1: Khởi động**

**a**. **Mục tiêu**: **Kết nối** – tạo hứng thú cho học sinh, chuẩn bị tâm thế tiếp cận kiến thức mới.

**b. Nội dung hoạt động:** HS trả lời cá nhân để giải quyết một tình huống có liên quan đến bài học mới.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS, cảm nhận ban đầu về vấn đề đặt ra trong bài học.

**d. Tổ chức thực hiện hoạt động:**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**

* GV trình chiếu một số hình ảnh về cách con người đối xử với động vật:

|  |  |
| --- | --- |
|  |  |
| Tranh 01 | Tranh 02 |
|  |  |
| Tranh 03 | Tranh 04 |

* Nêu câu hỏi:

+ Em hãy thử đặt tên cho các bức ảnh.

+ Nhận xét về cách đối xử của con người với động vật trong mỗi bức tranh? Em đồng tình hoặc không đồng tình với cách đối xử nào?

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**

HS quan sát và suy nghĩ câu hỏi.

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận**: HS chia sẻ suy nghĩ, trả lời.

Gợi ý:

* Tranh 1: Con người giết và cưa sừng tê giác.
* Tranh 2, 3: Tình bạn giữa con người và động vật.
* Tranh 4: Trận thảm sát cá heo trên bờ biển

=>Tranh 1, 4: Là cách đối xử tàn ác của con người đối với động vật. Đây là các hành động đáng bị lên án, xử lí pháp luật.

Tranh 2, 3: Các bức tranh cho thấy tình cảm thân thiết giữa con người và động vật, ngay cả động vật hoang dã.

**Bước 3: Đánh giá, kết luận:** Nhận xét câu trả lời của HS, dẫn dắt để kết nối hoạt động hình thành kiến thức mới.

**🡺GV dẫn vào bài:**

Các loài vật vốn là bạn với con người. Nhưng có không ít kẻ vì lợi ích cá nhân mà đã nhẫn tâm sát hại các loài động vật, khiến nhiều loài đang đứng trước nguy cơ tuyệt chủng. Đọc văn bản này, các em sẽ hiểu vì sao chúng ta cần đối xử thân thiện với động vật.

**Hoạt động 2: Hình thành kiến thức mới**

**Hoạt động 2.1. Tìm hiểu kiến thức ngữ văn**

**a. Mục tiêu**: **Đ1, GQVĐ.**

Nắm được những kiến thức cơ bản về văn nghị luận xã hội (ý kiến, lí lẽ, bằng chứng)

**b. Nội dung hoạt động:**

**-** Vận dụng kĩ năng đọc thu thập thông tin, trình bày một phút để tìm hiểu về đặc điểm của văn bản nghị luận xã hội.

- HS trả lời, hoạt động cá nhân

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời cá nhân của HS.

**d. Tổ chức thực hiện hoạt động:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **Làm việc cá nhân.**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  **Theo dõi mục Kiến thức ngữ văn và thực hiện các yêu cầu:**  **-** Lấy ví dụ về những hiện tượng đời sống hay gặp?  - Văn bản nghị luận xã hội nhằm mục đích gì?  - Nêu các thành tố quan trọng của một văn bản NLXH vàvẽ sơ đồ thể hiện mối quan hệ giữa các thành tố đó.  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ.**  Hs trao đổi nhóm, tìm, giới thiệu ngắn gọn một truyện đồng thoại. Chỉ ra những “dấu hiệu” nhận biết truyện đồng thoại.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  **Bước 4:** **Đánh giá, kết luận** | **I. Kiến thức Ngữ văn**  **1. Nghị luận xã hội**  **\* Khái niệm**: **Nghị luận xã hội** (trình bày một ý kiến) là nêu lên một vấn đề mình quan tâm trong đời sống, sử dụng các lí lẽ bằng chứng cụ thể để củng cố cho ý kiến của mình nhằm thuyết phục người đọc, người nghe tán thành ý kiến, vấn đề đó.  **Ví dụ:**  + Suy nghĩ về thói vô cảm trong đời sống.  + Suy nghĩ về thực trạng bạo lực học đường ngày nay.  + Suy nghĩ về hành vi con người xả rác, gây ô nhiễm môi trường sống.  …  \* **Mục đích:** thuyết phục người đọc, người nghe tán thành ý kiến, vấn đề nào đó.  \* **Các thành tố quan trọng** của văn bản nghị luận xã hội:  - Ý kiến: là vấn đề chính mà văn bản bàn luận.  - Lí lẽ: là cơ sở cho ý kiến, quan điểm của người viết, người nói.  - Bằng chứng: là những minh chứng làm rõ lí lẽ.  => Ý kiến, lí lẽ, bằng chứng có mối quan hệ chặt chẽ với nhau:  **Lí lẽ 1**  ………  **Lí lẽ 2:**  ……..  **Lí lẽ 3:**  .......  ***Bằng chứng****:*  *……….*  ***Bằng chứng***  ……….  ***Bằng chứng***  ………  **Ý KIẾN** |

**Hoạt động 2.2: Tìm hiểu chung về văn bản**

**a. Mục tiêu**: Giúp HS biết được những nét chung của văn bản (thể loại, nhan đề, bố cục…)

**b. Nội dung**:

- GV sử dụng KT đặt câu hỏi, HS thảo luận nhóm.

- HS suy nghĩ cá nhân để trả lời, làm việc nhóm để hoàn thành nhiệm vụ

**c. Sản phẩm**: Câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện**

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **HOẠT ĐỘNG CHUNG CẢ LỚP**  **Bước 1*:* Chuyển giao nhiệm vụ:**  **\* GV hướng dẫn cách đọc văn bản**: Đọc to, rõ ràng, ngữ điệu phù hợp.  - HS đọc văn bản.  - GV nhận xét, kiểm tra kĩ năng đọc qua việc trả lời nhanh các câu hỏi ở bên phải văn bản.  - Hướng dẫn HS cắt nghĩa một số từ khó qua bài tập nối từ:  ? Nối từ ở cột A với nghĩa tương ứng ở cột B:   |  |  | | --- | --- | | **A** | **B** | | 1. Tổ tiên | a) Đấng tạo ra muôn vật với mọi sự biến hoá, đổi thay, theo quan niệm duy tâm | | 2. Trực tiếp | b) Là một hiện tượng xảy ra trong tự nhiên khi một loài hoặc một quần thể biến mất hoàn toàn trên trái đất. | | 3. Tạo hóa | c) Quan hệ giữa sinh vật với môi trường | | 4. Tuyệt chủng | d) Có quan hệ thẳng với đối tượng tiếp xúc, không qua khâu trung gian | | 5. Sinh thái | e) Những người thuộc thế hệ đầu tiên của một dòng họ. |   ***Đáp án: 1-e; 2 –c; 3 -3; 4 –d; 5-c***  *+ Ai là tác giả của VB “Vì sao chúng ta phải đối xử thân thiện với động vật?”? VB được trích từ đâu?*  *+ Nêu phương thức biểu đạt chính được sử dụng trong đoạn văn bản.*  **\* HS thảo luận nhóm theo kĩ thuật khăn trải bàn***:*  Kĩ thuật "Khăn trải bàn"  + *Dựa vào nhan đề em hãy cho biết nội dung của bài viết?*  *+ Văn bản chia làm mấy phần? Nêu ý chính của từng phần.*  ***+ Tranh minh hoạ gợi cho em suy nghĩ gì?***  **HS nhận nhiệm vụ thảo luận nhóm, theo kĩ thuật khăn trải bàn (mỗi nhóm cá nhân ghi ý kiến riêng của mình (3P*)***  **Bước 2:** **Thực hiện nhiệm vụ:**  **+**Tổ chức cho HS thảo luận. ***Mỗi nhóm thống nhất ghi đáp án chung vào ô giữa phiếu.***  + GV quan sát, khích lệ HS.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**  + Tổ chức trao đổi, trình bày nội dung đã thảo luận.  + HS nhận xét lẫn nhau.  **Bước 4: Đánh giá, kết luận:** GV tổng hợp ý kiến, chốt kiến thức.  Ngoài phương thức nghị luận là chính, HS có thể thấy VB còn có PTBĐ khác kết hợp như miêu tả, biểu cảm. | **II. Đọc và tìm hiểu chung**  **1. Đọc và tìm hiểu chú thích**  - Đọc  - Tìm hiểu chú thích và giải thích từ khó  ( SGK)  **2. Tìm hiểu chung**  **a.** **Xuất xứ**:  - Tác giả: Kim Hạnh Bảo, Trần Nghị Du  - Trích từ *Bách khoa trị thức tuổi trẻ: 10 vạn câu hỏi vì sao – Động vật.*  **b. Phương thức biểu đạt chính:** Nghị luận (nghị luận xã hội)  **c. Nội dung khái quát:** Lí do con người cần đối xử thân thiện với động vật.  **d. Bố cục:** 4 phần  - Phần 1: Đoạn 1,2: Động vật gắn bó với con người, gắn bó với kí ức tuổi thơ.  - Phần 2: Đoạn 3: Vai trò của động vật trong hệ sinh thái  - Phần 3: Đoạn 4: **Thực trạng đáng báo động về cuộc sống của động vật.**  - Phần 4: Còn lại : Lời kêu gọi bảo vệ động vật. |

**Hoạt động 2.3: Đọc hiểu văn bản**

**a. Mục tiêu: Đ2, Đ3, Đ5, N1, GT-HT, GQVĐ, NN, TM, NA**

- GV hướng dẫn HS đọc và tìm hiểu các giá trị nội dung, nghệ thuật của văn bản.

+ HS nắm được đặc sắc nội dung và nghệ thuật của từng phần trong văn bản; rút ra được ý nghĩa của văn bản; tác động đối với tư tưởng, tình cảm của bản thân.

**b.** **Nội dung hoạt động**: HS làm việc cá nhân, hoạt động nhóm để tìm hiểu nội dung và nghệ thuật tác phẩm.

**c. Sản phẩm**: Câu trả lời, phiếu học tập đã hoàn thiện của cá nhân và nhóm.

**d. Tổ chức thực hiện hoạt động.**

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **\*Hướng dẫn HS tìm hiểu vấn đề nghị luận**  **Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ:**  ***Thảo luận cặp đôi theo bàn:***  ? Ở văn bản này, người viết định bảo vệ hay phản đối điều gì?  ? Để bảo vệ quan điểm đó, người viết đã đưa ra hệ thống những lí lẽ nào?  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ.**   * HS suy nghĩ, thảo luận theo bàn. * GV quan sát, động viên.   **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:** Các nhóm cử đại diện báo cáo sản phẩm.  **Dự kiến sản phẩm**: Hệ thống lí lẽ:  + Sự gắn bó của động vật với tuổi thơ và cuộc sống mỗi người  + Vai trò của động vật với hệ sinh thái  + Thực trạng đáng báo động về cuộc sống của động vật  + Lời kêu gọi bảo vệ động vật  **Bước 4: Đánh giá, kết luận:** | **III. Đọc hiểu văn bản**   1. **Vấn đề nghị luận:** Con người cần đối xử thân thiện với động vật. |
| **\*Phương pháp Mảnh ghép:**  **PHIẾU HỌC TẬP 01:**  **Tìm hiểu hệ thống lí lẽ và bằng chứng của bài viết**   |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | | **Nhóm** | **Lí lẽ** | **Bằng chứng** | **BP nghệ thuật** | | **Nhóm 1 (Đoạn 1, 2)** | …………… | …………. | ………… | | **Nhóm 2 (Đoạn 3)** | …………… | …………. | ………… | | **Nhóm 3 (Đoạn 4, 5)** | …………… | …………. | ………… | | |
| **\*Hướng dẫn HS tìm hiểu hệ thống lí lẽ và bằng chứng:**  **Thảo luận nhóm theo kĩ thuật mảnh ghép:**  **Bước 1*:* Chuyển giao nhiệm vụ:**  **VÒNG 1**: **Nhóm chuyên gia:**  **Nhiệm vụ**: Hoàn thành phiếu HT số 01: các nhóm tìm hiểu các lí lẽ và bằng chứng mà người viết đưa ra để làm sáng tỏ vấn đề nghị luận (các nhóm tìm hiểu theo đoạn văn được phân công).  **VÒNG 2:** **Nhóm mảnh ghép:** Tạo nhóm mới và thực hiện nhiệm vụ mới:  - Chia sẻ kết quả thảo luận ở vòng chuyên gia.  - *Tác giả thể hiện thái độ như thế nào trước việc con người đối xử không thân thiện với động vật?*  *- Văn bản đã giúp em hiểu biết thêm gì về động vật? Tìm thêm các lí lẽ hoặc bằng chứng để làm sáng rõ sự cần thiết phải đối xử thân thiện với động vật.*  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập(17p)**  ***\** VÒNG 1**: Nhóm chuyên gia:  ***( 7p)***  **HS**:  - Làm việc cá nhân 2 phút, ghi kết quả ra phiếu cá nhân.  - Thảo luận nhóm 5 phút và ghi kết quả ra phiếu học tập nhóm (phần việc của nhóm mình làm).  **GV** hướng dẫn HS thảo luận (nếu cần).  ***\* Vòng mảnh ghép (10 phút)***  **HS**:  - 5 phút đầu: Các thành viên ở nhóm trình bày lại nội dung đã tìm hiểu ở vòng mảnh ghép.  - 5 phút tiếp: thảo luận, trao đổi để hoàn thành những nhiệm vụ còn lại.  **GV** theo dõi, hỗ trợ cho HS (nếu HS gặp khó khăn).  **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận-5p**  - GV gọi đại diện 02 nhóm lên trình bày.  - Hướng dẫn HS trình bày (nếu cần).  HS:  - Đại diện 2 nhóm lần lượt trình bày sản phẩm.  - Các nhóm khác theo dõi, quan sát, nhận xét, bổ sung (nếu cần) cho nhóm bạn.  - Giáo viên: Quan sát, theo dõi quá trình học sinh thực hiện, gợi ý nếu cần  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ-5p**  - GV nhận xét, đánh giá, (sửa chữa nếu cần) rút kinh nghiệm, chốt kiến thức.  **Gợi ý**: các lí lẽ bổ sung để thấy cần đối xử thân thiện với động vật:  + Động vật cung cấp nguyên liệu: thực phẩm (rươi, ốc, mực, tôm, cá, ếch, rắn, gà, lợn, bò,...), lông (thỏ, cừu, dê, vịt,...), da (tuần lộc, hổ, trâu,...).  + Động vật làm thí nghiệm: khoa học (ếch, chuột bạch,...), thuốc (thỏ, chuột bạch,...).  + Động vật hỗ trợ cho con người: lao động (trâu, bò, voi, ...), giải trí (cá voi, hải cẩu, voi, hổ, vẹt, sáo,...), bảo vệ an ninh (chó). | **2. Hệ thống lí lẽ và bằng chứng**  **2.1. Sự gắn bó của động vật với tuổi thơ và cuộc sống mỗi người**  - Đoạn 1: Động vật gắn liền với tuổi thơ con người:  =>Bằng chứng:  + Nhiều người từng dành hàng giờ ngồi nhìn lũ kiến "hành quân".  + Buộc chỉ vào chân cánh cam làm diều.  - Đoạn 2: Động vật gắn liền với cuộc sống con người:  =>Bằng chứng:  + Gà trống gáy gọi thức dậy.  + Mẻ tôm, cá chế biến những món thanh đạm.   * Nghệ thuật: liệt kê   🡺Đoan 1, 2 nhằm khẳng định vai trò không thể thiếu của động vật đối với cuộc sống con người.  **2.2. Vai trò của động vật với hệ sinh thái**  =>Bằng chứng:  + Khỉ và vượn có chung tổ tiên với con người.  + Tất cả loài vật đều có quan hệ trực tiếp hoặc gián tiếp với con người.  + Mất đi 1 loài cũng tạo vết khuyết trong hệ sinh thái (môi trường sinh tồn của con người).  => Con người, động vật, và môi trường sinh thái có mối quan hệ chặt chẽ với nhau*.*  **2.3. Thực trạng đáng báo động về cuộc sống của động vật**  - Bằng chứng:  + Số lượng các loài động vật giảm đi rõ rệt, nhiều loài trên nguy cơ tuyệt chủng.  + Môi trường sống của động vật bị con người chiếm lĩnh, phá hoại.  + Nhiều loài bị con người ngược đãi, săn bắt vô tổ chức và tàn sát.  - Thái độ của tác giả: bất bình trước việc con người đối xử không thân thiện với động vật.  Thái độ ấy thể hiện rõ nhất ở câu văn: Môi trường sống cùa động vật bị con người chiếm lĩnh, phá hoại, không ít loài đã hoặc đang đứng trước nguy cơ tuyệt chủng hoàn toàn.  **2.4. Lời kêu gọi bảo vệ động vật**  - Bằng chứng: Khi hiểu được động vật, con người sẽ:  + Không phá rừng, chặt cây vì nhu cầu riêng (muốn có thịt bò, muốn vót đũa)  + Không lạm dụng và cướp đi môi trường của chúng.  → Hãy đặt bản thân vào vị trí của động vật để cảm nhận.  Nghệ thuật: đối lập; phép điệp cấu trúc  - Rút ra bài học nhận thức: Hành động con người cần có: thay đổi suy nghĩ và hành động hướng tới bảo vệ Trái Đất để động vật cũng có quyền được sống như con người.  ➩ Nhấn mạnh sự cần thiết phải đối xử thân thiện với động vật. |

**Hoạt động 2.4: Hướng dẫn HS tổng kết**

**a. Mục tiêu:** Giúp HS khái quát nghệ thuật, nội dung, ý nghĩa của VB “Vì sao chúng ta cần phải đối xử thân thiện với động vật?”

**b. Nội dung:**

- GV sử dụng KT đặt câu hỏi, tổ chức hoạt động cá nhân .

- HS làm việc cá nhân, trình bày sản phẩm, quan sát và bổ sung.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS .

**d. Tổ chức thực hiện**

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  **Thảo luận trong bàn trong 02 phút:**  **+** Qua VB, em hãy chỉ ra sức hấp dẫn trong cách lập luận của tác giả bài viết?  + Từ đó VB, tác giả muốn gửi gắm thông điệp gì?  **Bước 2:** **Thực hiện nhiệm vụ:**  **+** Tổ chức cho HS thảo luận.  + GV quan sát, khích lệ HS.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**  + Tổ chức trao đổi, trình bày nội dung đã thảo luận.  + HS nhận xét lẫn nhau.  **Bước 4: Đánh giá, kết luận:** GV tổng hợp ý kiến, chốt kiến thức.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ.**   * HS suy nghĩ và thảo luận trong 2’ và ghi ra giấy. * GV hướng theo dõi, quan sát HS thảo luận nhóm, hỗ trợ (nếu HS gặp khó khăn).   **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  Tổ chức trao đổi, trình bày nội dung đã thảo luận.  **Bước 4: Đánh giá, kết luận** | **IV. Tổng kết**  **1. Nghệ thuật:**  - Lập luận chặt chẽ, lí lẽ xác đáng thuyết phục và bằng chứng chọn lọc, tiêu biểu, cùng cách trao đổi vấn đề mở, hướng tới đối thoại với người đọc.  - Cách đan xen phương thức miêu tả, biểu cảm trong văn nghị luận rất tài tình để làm tăng sức thuyết phục.  - Bố cục mạnh lạc, sử dụng phép liệt kê, đối lập làm sáng tỏ vấn đề nghị luận.  **2. Nội dung, ý nghĩa :**  - Động vật có vai trò vô cùng quan trọng với con người và môi trường sinh thái.  **-** Chúng ta cần phải đối xử thân thiện với động vật, yêu quý và bảo vệ động vật như bảo vệ ngôi nhà chung của Trái đất. |

**Hoạt động 3: Luyện tập**

**a. Mục tiêu**: HS hiểu được kiến thức trong bài học để thực hiện bài tập GV giao.

**b. Nội dung**: Trả lời câu hỏi; tham gia trò chơi học tập.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời đúng của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**\*Nhiệm vụ 1:**

**Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ:**

**?** Từ việc đọc hiểu văn bản "Vì sao chúng ta phải đối xử thân thiện với động vật?", em hãy rút ra những yếu tố quan trọng của một bài văn nghị luận.

? Chỉ ra những lưu ý khi đọc hiểu một văn bản nghị luận xã hội.

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**

* HS trao đổi theo cặp.

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**

GV gọi một số HS phát biểu.

**Bước 4: Đánh giá, kết luận:**

**Gợi ý**

\* **Những yếu tố quan trọng của một văn bản nghị luận:**  
- ***Ý kiến*** thường là một nhận xét mang tính khẳng định hoặc phủ định thường nêu ở nhan đề hoặc mở đầu bài viết.

- ***Lí lẽ*** thường tập trung nêu nguyên nhân, trả lời các câu hỏi: *Vì sao?, Do đâu?*

- **Bằng chứng** (dẫn chứng) thường là các hiện tượng, số liệu cụ thể nhằm minh họa, làm sáng tỏ cho lí lẽ.

**\* Cách đọc hiểu một văn bản nghị luận:**

- Nhận biết vấn đề mà tác giả nêu trong văn bản.

- Chỉ ra được các lí lẽ và bằng chứng cụ thể mà người viết đã sử dụng để làm sáng tỏ ý kiến.

- Nhận xét được các lí lẽ, bằng chứng (rõ ràng, chặt chẽ, tiêu biểu, phong phú, có sức thuyết phục,…)

- Nêu được ý nghĩa của vấn đề mà văn bản đặt ra với mọi người.

- Nhận biết được thái độ, tình cảm của người viết thể hiện trong văn bản.

**\*Nhiệm vụ 2**: Vẽ sơ đồ tư duy bài học

**Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ:**

Làm việc cá nhân: Hoàn thành sơ đồ tư duy/về văn bản theo mẫu sau:

***Bằng chứng***

………

**Lí lẽ 4:**

.......

**Lí lẽ 1**

………

**Lí lẽ 2:**

……..

**Lí lẽ 3:**

.......

***Bằng chứng****:*

*……….*

***Bằng chứng***

……….

***Bằng chứng***

………

**Ý KIẾN: Con người cần đối xử thân thiện với động vật**

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**

* HS suy nghĩ, làm việc cá nhân trong 03 phút.
* GV gọi 02 HS lên bảng lập sơ đồ.
* GV quan sát, gợi dẫn nếu cần.

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**

GV gọi các HS nhận xét sơ đồ tư duy của các HS trên bảng.

**Bước 4: Đánh giá, kết luận:**

**Rubric đánh giá sản phẩm sơ đồ tư duy:**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Nội dung đánh giá** | **Mức đánh giá** | | |
| **(1)** | **(2)** | **(3)** |
| Sơ đồ tư duy | - Phần thông tin: Chỉ nêu được một lí lẽ và bằng chứng.  - Phần hình thức: Sơ đồ chỉ có 1 nhánh chính | - Phần thông tin: Chỉ nêu được hai – ba lí lẽ, chưa đủ bằng chứng.  - Phần hình thức: Sơ đồ có nhánh chính và các nhánh phụ nhưng chưa được sắp xếp hợp lí | - Phần thông tin: Nêu được bốn lí lẽ, đủ bằng chứng.  - Phần hình thức: Sơ đồ có nhánh chính, nhánh phụ, sắp xếp hợp lí. |

**Hoạt động 4: Vận dụng.**

**a) Mục tiêu:** HS vận dụng kiến thức bài học vào giải quyết tình huống trong thực tiễn.

**b) Nội dung**: Trả lời câu hỏi về tình huống thực tiễn rút ra từ bài học.

**c) Sản phẩm**: Câu trả lời của HS.

**d) Tổ chức thực hiện.**

**Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ:**

1. *Em cần có thái độ như thế nào với động vật? Kể một số biện pháp em có thể làm để bảo vệ động vật?*
2. Vẽ tranh cổ động hoặc thiết kế porter để tuyên truyền bảo vệ động vật.

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**

* HS suy nghĩ, thảo luận theo cặp.
* GV quan sát, động viên.

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**

- GV gọi một số HS nêu suy nghĩ, việc làm.

- Các HS khác nhận xét, bổ sung.

**Bước 4: Kết luận, nhận định:**

**Gợi ý**

1. Chúng ta cần đối xử thân thiện với động vật: coi động vật là bạn, không tàn sát, không ngược đãi vật nuôi trong nhà; không săn bắt động vật hoang dã; không tàn phá môi trường sống tự nhiên của động vât,..

* Các việc HS có thể làm để bảo vệ động vật:

+ Tuyên truyền mọi người không giết hại, tàn sát động vật dã man, buôn bán động vật hoang dã.

+ Kêu gọi mọi người bảo vệ môi trường, hưởng ứng các chiến dịch làm sạch môi trường biển để bảo vệ các loài động vật dưới biển khỏi rác thải nhựa.

+ Hưởng ứng các phong trào trồng cây gây rừng để tạo môi trường sôngs cho động vật.

+ Tố cáo nếu phát hiện các hành vi vi phạm pháp luật liên quan đến mua bán, giết hại động vật hoang dã, động vật quý hiếm.

…

1. Vẽ tranh tuyên truyền bảo vệ động vật hoang dã:

|  |  |
| --- | --- |
|  |  |
|  |  |

GV cung cấp Rubric đánh giá:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Vẽ tranh tuyên truyền bảo vệ động vật hoang dã  **(10 điểm)** | Các nét vẽ không đẹp và bức tranh còn đơn điệu về hình ảnh, màu sắc; thông điệp chưa rõ ràng.  ( 5 – 6 điểm) | Các nét vẽ đẹp nhưng bức tranh chưa thật phong phú; tranh đã thể hiện đươc thông điệp.  (7 – 8 điểm) | Bức tranh với nhiều đường nét đẹp, phong phú, hấp dẫn; thông điệp được truyền đạt mạnh mẽ, gây ấn tượng.  (9 - 10 điểm) |

**Hướng dẫn học ở nhà**:

- Tìm hiểu về các tổ chức bảo vệ động vật.

- Chuẩn bị các câu hỏi phần chuẩn bị đọc hiểu văn bản: *Khan hiếm nước ngọt* (Trịnh Văn)

**RÚT KINH NGHIỆM**

................................................................................................................................................................................................................................................................